

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 01 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-24



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>138.671.247.734</b>	<b>141.199.415.570</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>61.057.782.696</b>	<b>53.072.727.541</b>
1. Tiền	111		51.057.782.696	43.072.727.541
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.618.014.361</b>	<b>75.487.315.185</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	95.927.025.802	101.113.452.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.662.911.911	10.521.766.244
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	875.681.323	648.474.313
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(37.847.604.675)	(36.796.377.592)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>9.893.611.279</b>	<b>12.639.372.844</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.893.611.279	12.639.372.844
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101.839.398</b>	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	101.839.398	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.054.575.825</b>	<b>5.138.396.424</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.663.076.762</b>	<b>3.862.997.361</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.663.076.762	3.682.997.361
- Nguyên giá	222		18.827.699.682	18.901.242.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.164.622.920)	(15.218.245.461)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	180.000.000
- Nguyên giá	228		135.000.000	315.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.000.000)	(135.000.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.391.499.063</b>	<b>1.275.399.063</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.391.499.063	1.275.399.063
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>143.725.823.559</b>	<b>146.337.811.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>45.333.456.023</b>	<b>52.429.900.814</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.396.344.661</b>	<b>50.385.300.814</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	30.108.815.197	39.394.853.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.701.591.916	.684.643.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	745.905.719	2.714.407.526
4. Phải trả người lao động	314		8.201.322.371	5.136.505.371
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.126.834.025	1.958.865.678
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	892.169.660	496.025.065
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		619.705.773	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.937.111.362</b>	<b>2.044.600.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	1.937.111.362	2.044.600.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>98.392.367.536</b>	<b>93.907.911.180</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>98.392.367.536</b>	<b>93.907.911.180</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.090.195.705	16.022.338.542
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.252.394.869	3.252.394.869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.049.776.962	14.633.177.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.798.653.939	3.662.675.509
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.251.123.023	10.970.502.260
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>143.725.823.559</b>	<b>146.337.811.994</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đặng Thành Công

Văn Quang Đức

Ngô Đức Lưu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2016

**MẪU SỐ B02- DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	397.995.760.626	325.204.639.509	1.299.121.051.086	1.082.729.272.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	15.713.159.860	8.653.874.406	41.684.307.754	20.218.397.463
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		382.282.600.766	316.550.765.103	1.257.436.743.332	1.062.510.875.162
4. Giá vốn hàng bán	11	22	370.810.543.897	298.275.017.045	1.218.721.100.778	1.016.126.334.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.472.056.869	18.275.748.058	38.715.642.554	46.384.541.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.119.569.636	997.026.722	3.424.961.243	3.683.549.139
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	24	6.927.119.726	5.095.732.382	19.010.523.387	15.462.756.194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.802.480.383	6.534.080.214	18.155.609.057	22.039.623.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(137.973.604)	7.642.962.184	4.974.471.353	12.565.710.040
11. Thu nhập khác	31	26	1.656.253.463	1.233.922.704	11.785.818.996	5.000.981.855
12. Chi phí khác	32	27	(153.908.673)	739.658.886	5.138.582.610	3.461.330.023
13. Lợi nhuận khác	40		1.810.162.136	494.263.818	6.647.236.386	1.539.651.832
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.672.188.532	8.137.226.002	11.621.707.739	14.105.361.872
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	361.680.874	1.797.449.720	2.370.584.716	3.134.859.612
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.310.507.658	6.339.776.282	9.251.123.023	10.970.502.260
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	218	1.057	1.542	1.828
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		218	1.057	1.542	1.828

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

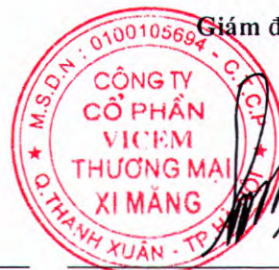
Người lập

Đặng Thành Công

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Giám đốc



Ngô Đức Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.621.707.739	14.105.361.872
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	513.567.777	408.893.851
- Các khoản dự phòng	03	1.051.227.083	6.968.945.548
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.666.671.237)	(1.043.814.739)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.519.831.362	20.439.386.532
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.815.780.992	1.344.445.469
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.745.761.565	(6.451.046.338)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.814.080.728)	(34.504.233.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.314.013.652)	(1.584.460.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(729.292.000)	(703.857.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.223.987.539	(21.459.764.935)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.137.318.182)	(193.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22	4.566.363.636	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(1.709.336.938)	1.043.814.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.719.708.516	850.314.739
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.958.640.900)	(2.976.305.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.958.640.900)	(2.976.305.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.985.055.155	(23.585.756.021)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.072.727.541	76.658.483.562
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	61.057.782.696	53.072.727.541

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đặng Thành Công

Văn Quang Đức

Ngô Đức Lưu

# CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày 02/07/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2016.

Vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TMX.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ gia, bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện máy, điện lạnh, ô tô, xe máy, xe đạp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 348 Giải phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Thái Nguyên	Số 56, Đường Phú Xá, Tổ 15, Phường Phú Xá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	Bán xi măng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính





Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm tài chính 2015. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được phân loại lại nhằm đảm bảo có thể so sánh được với số liệu tương ứng cuối năm phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 6

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Chi phí bán hàng và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

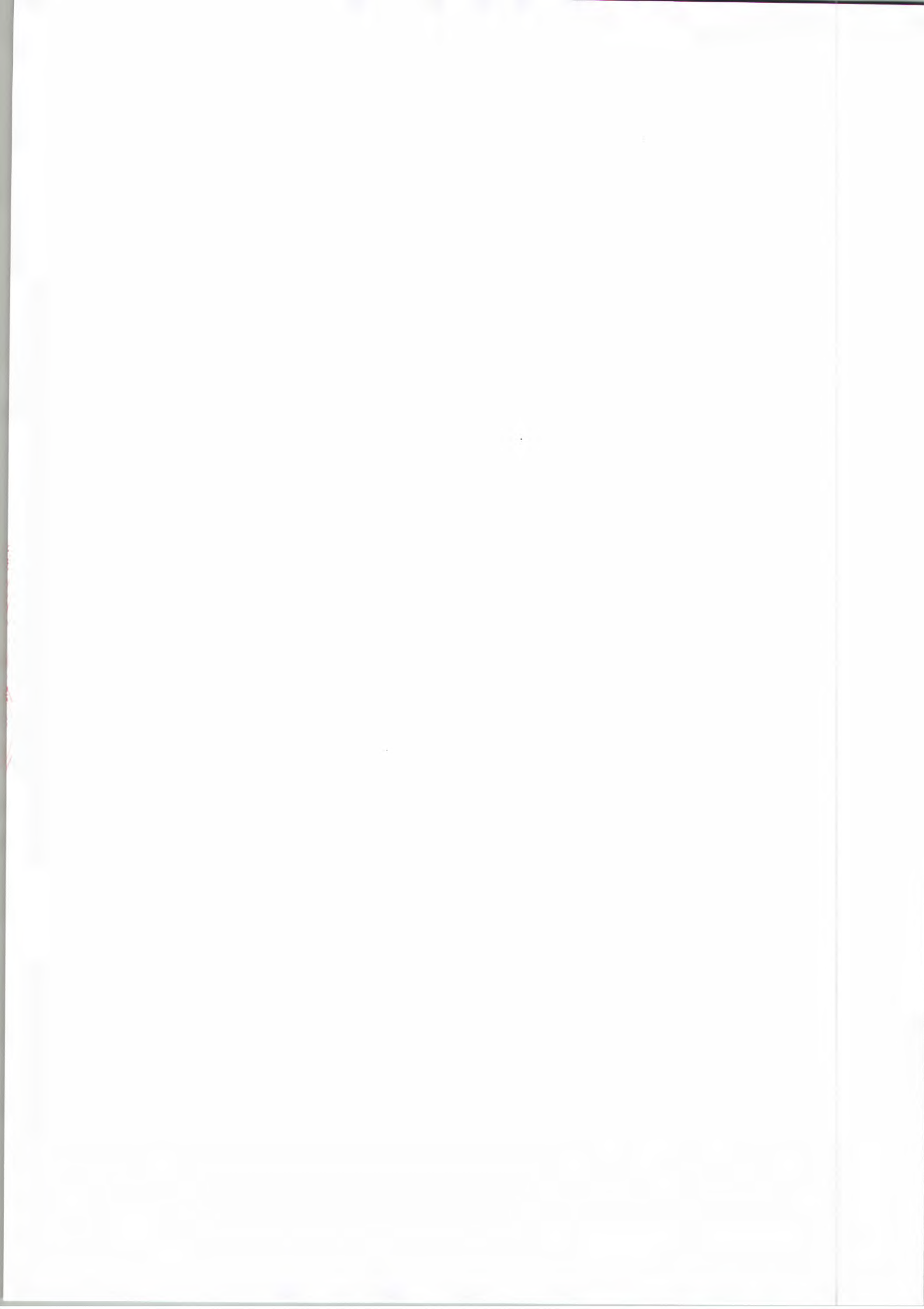
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty). Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.528.325.000	5.547.614.000
Tiền gửi ngân hàng	48.529.457.696	37.525.113.541
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.057.782.696</b>	<b>53.072.727.541</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn.

#### 6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP TM & DV Vận tải An Châu	9.307.239.099	3.326.960.073
Công ty TNHH TM & XD Vương Anh	4.642.326.183	-
Công ty TNHH TM TH&XD Thành Nam	4.052.438.485	3.657.881.555
Công ty CP Cầu 7 Thăng Long	3.827.451.570	-
Công ty TNHH Ly Tùng	3.483.088.754	3.102.317.981
Nguyễn Quý Anh - Nhân viên 027	3.292.512.347	3.260.389.592
Công ty TNHH TM & DV Quang Vinh	1.831.286.048	1.897.344.918
Nguyễn Thị Thanh - CH50	1.723.910.250	1.168.299.750
Hoàng Thu Hà - CH091	1.651.844.806	1.378.894.281
Phải thu các khách hàng khác	62.114.928.260	83.321.364.070
<b>Cộng</b>	<b>95.927.025.802</b>	<b>101.113.452.220</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH MTV Xi măng Tam Điệp	134.802.840	-	-	-
- Công ty CP KD Phát triển nhà Thanh Trì	101.368.908	-	101.368.908	-
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	367.364.308	-	295.211.511	-
- Ký cược, ký quỹ		-	-	-
- Phải thu khác	272.145.267	-	251.893.894	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>875.681.323</b>	<b>-</b>	<b>648.474.313</b>	<b>-</b>

**8. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư đầu năm	(36.796.377.592)	(29.827.432.044)
Trích lập dự phòng	(1.051.227.083)	(6.968.945.548)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(37.847.604.675)</b>	<b>(36.796.377.592)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác hàng	(37.847.604.675)	(36.796.377.592)

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	5.585.384.025	-	11.625.354.804	-
Hàng gửi bán	4.308.227.254	-	1.014.018.040	-
<b>Cộng</b>	<b>9.893.611.279</b>	<b>-</b>	<b>12.639.372.844</b>	<b>-</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Giáp Nhị (1)	881.899.063	881.899.063
Dự án khu nhà ở tại Vĩnh Tuy (2)	200.000.000	200.000.000
Dự án phần mềm quản lý	309.600.000	193.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.391.499.063</b>	<b>1.275.399.063</b>

- (1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 268/2010/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà về việc các bên thỏa thuận hợp tác để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xin chuyển đổi mục đích sử dụng của

## CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- 7.804,7m<sup>2</sup> đất và đầu tư xây dựng kinh doanh khu chung cư cao tầng Giáp Nhị kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại ngõ số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (2) Theo Hợp đồng tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình số 192/2011/TMXM - QLDA ngày 26/02/2011, Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC) đã thống nhất việc lập dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy. Tuy nhiên, UBND Quận Hai Bà Trưng không đồng ý xây dựng chung cư cao tầng, chỉ chấp nhận chuyển đổi khu đất sang xây dựng công trình dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc với quy mô thấp tầng.
- (3) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 tiếp tục thực hiện dự án, đến nay đã được Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam thảo thuận chủ trương tiếp tục đầu tư theo phương án lựa chọn đối tác, thành lập pháp nhân triển khai thực hiện.

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	16.898.771.765	177.403.776	1.825.067.281	18.901.242.822
Mua trong năm	-	-	1.021.218.182	1.021.218.182
Thanh lý, nhượng bán	(1.094.761.322)			(1.094.761.322)
Tại ngày 31/12/2016	15.804.010.443	177.403.776	2.846.285.463	18.827.699.682
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	13.444.581.590	177.403.776	1.596.260.095	15.218.245.461
Khấu hao trong năm		-		-
Tăng khác	391.456.136	-	122.111.641	513.567.777
Thanh lý, nhượng bán	(567.190.318)			(567.190.318)
Tại ngày 31/12/2016	13.268.847.408	177.403.776	1.718.371.736	15.164.622.920
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	3.454.190.175	-	228.807.186	3.682.997.361
Tại ngày 31/12/2016	2.535.163.035	-	1.127.913.727	3.663.076.762
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	7.248.097.775	177.403.776	888.437.186	8.313.938.737



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	180.000.000	135.000.000	315.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(180.000.000)	-	-180.000.000
Tại ngày 31/12/2016	-	135.000.000	135.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	135.000.000	135.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	135.000.000	135.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	180.000.000	-	180.000.000
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	-	135.000.000	135.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**13. NỢ XẤU**

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu mới Á Âu	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	7.417.003.850	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	7.417.003.850
Công ty TNHH MTV Thành An	Trên 3 năm	3.059.187.900	-	3.059.187.900	Trên 3 năm	3.359.187.900	-	3.359.187.900
Nguyễn Cao Sơn	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	5.183.454.449	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	5.183.454.449
Hoàng Thị Loan	Trên 3 năm	1.565.000.000	-	1.565.000.000	Trên 3 năm	1.574.066.842	-	1.574.066.842
Lê Thị Thu Khuyên (Nguyễn Cao Tiến)	Trên 3 năm	2.964.594.029	-	2.964.594.029	Trên 3 năm	3.140.594.029	942.178.209	2.198.415.820
Công ty TNHH XNK Xây dựng và thương mại Việt Nam	Trên 3 năm	1.717.046.100	-	1.717.046.100	Trên 3 năm	1.717.046.100	-	1.717.046.100
Các khách hàng khác		20.693.270.874	4.751.952.527	15.941.318.347		17.840.876.781	2.493.674.150	15.347.202.631
<b>Cộng</b>		<b>42.599.557.202</b>	<b>4.751.952.527</b>	<b>37.847.604.675</b>		<b>40.232.229.951</b>	<b>3.435.852.359</b>	<b>36.796.377.592</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**14. Phải trả người bán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30.108.815.197</b>	<b>30.108.815.197</b>	<b>39.394.853.884</b>	<b>39.394.853.884</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	25.120.465.553	25.120.465.553	35.225.361.467	35.225.361.467
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	4.988.349.644	4.988.349.644	4.169.492.417	4.169.492.417
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.108.815.197</b>	<b>30.108.815.197</b>	<b>39.394.853.884</b>	<b>39.394.853.884</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	637.572.667	637.572.667	542.103.403	542.103.403
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	25.120.465.553	25.120.465.553	35.225.361.467	35.225.361.467
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	97.434.992	97.434.992
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	822.100.076	4.807.861.915	4.932.868.489	697.093.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.859.602.555	2.370.584.716	4.314.013.652	(83.826.381)
Thuế thu nhập cá nhân	14.134.895	461.113.083	444.448.778	30.799.200
Thuế đất, tiền thuê đất	18.570.000	2.545.298.450	2.563.868.450	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.714.407.526</b>	<b>10.188.858.164</b>	<b>12.259.199.369</b>	<b>644.066.321</b>
Trong đó				
Số thuế phải thu nhà nước	-			101.839.398
Số thuế phải trả nhà nước	2.714.407.526			745.905.719

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng	985.963.780	434.844.922
Chi phí thường tiêu thụ xi măng	-	763.100.000
Chi phí hội nghị khách hàng	-	650.000.000
Các khoản chi phí khác	140.870.245	110.920.756
<b>Cộng</b>	<b>1.126.834.025</b>	<b>1.958.865.678</b>

**17. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>892.169.660</b>	<b>496.025.065</b>
- Kinh phí công đoàn	64.036.180	26.679.500
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	430.104.240	437.995.565
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	398.029.240	31.350.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.937.111.362</b>	<b>2.044.600.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.937.111.362	2.044.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở

a) hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>13.052.382.679</b>	<b>2.902.394.869</b>	<b>10.682.631.372</b>	<b>86.637.408.920</b>
Lãi trong năm	-	-	-	10.970.502.260	10.970.502.260
Phân phối lợi nhuận	-	2.969.955.863	350.000.000	(7.019.955.863)	(3.700.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>16.022.338.542</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>14.633.177.769</b>	<b>93.907.911.180</b>
Lãi trong năm	-	-	-	9.251.123.023	9.251.123.023
Phân phối lợi nhuận	-	6.067.857.163	-	(10.834.523.830)	(4.766.666.667)
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>22.090.195.705</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>13.049.776.962</b>	<b>98.392.367.536</b>

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.786.140.000	35.786.140.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.213.860.000	24.213.860.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

Phân phối lợi nhuận

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức trong năm với tỷ lệ 5%	3.000.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.067.857.163
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.416.666.667
Trích quỹ thưởng ban điều hành	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.834.523.830</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.251.123.023	10.970.502.260
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.251.123.023	10.970.502.260
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.542</b>	<b>1.828</b>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.00	60.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	0	-
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.00	60.000.000.000
d) Cổ phiếu		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>
e) Các quỹ của doanh nghiệp		
Quỹ đầu tư phát triển	22.090.195.705	16.022.338.542
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.252.394.869	3.252.394.869

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyễn Văn Chuyển - Cửa hàng số 89 Thanh Xuân (*)	6.011.900	6.011.900
Vũ Quang Đăng - Cửa hàng số 94 Chùa Thông (*)	27.530.000	27.530.000
Đại lý 209 Minh Khai (**)	8.032.550	8.032.550
Đại lý 306 Hồ Tùng Mậu (**)	30.900.000	30.900.000
Công ty CP phát triển xây dựng và thương mại Thuận An (**)	7.200.000	7.200.000
<b>Cộng</b>	<b>79.674.450</b>	<b>79.674.450</b>

(\*) Khách hàng nợ đã mất

(\*\*) Các khách hàng vỡ nợ, Công ty đánh giá không thu hồi được

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu kinh doanh xi măng	1.290.903.641.992	1.074.648.190.802
Doanh thu cho thuê tài sản	8.217.409.094	8.081.081.823
<b>Cộng</b>	<b>1.299.121.051.086</b>	<b>1.082.729.272.625</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		

**21. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	41.684.307.754	20.218.397.463
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.684.307.754</b>	<b>20.218.397.463</b>

**22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.211.984.517.432	1.012.014.506.623
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	6.736.583.346	4.111.827.498
<b>Cộng</b>	<b>1.218.721.100.778</b>	<b>1.016.126.334.121</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.807.878.605	1.043.814.739
Chiết khấu thanh toán	1.617.082.638	2.639.734.400
<b>Cộng</b>	<b>3.424.961.243</b>	<b>3.683.549.139</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>18.155.609.057</b>	<b>22.039.623.946</b>
Chi phí nhân viên	10.817.165.049	8.616.276.255
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	455.515.045	852.413.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	181.495.454	161.657.788
Thuế, phí lệ phí	190.275.544	168.271.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.082.261.968	1.351.195.417
Chi phí bằng tiền khác	4.377.668.914	3.702.355.247
Dự phòng phải thu khó đòi	1.051.227.083	7.187.453.735
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>19.010.523.387</b>	<b>15.462.756.194</b>
Chi phí nhân viên	7.545.301.181	7.599.009.084
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	317.970.455
Chi phí khấu hao	56.087.472	82.086.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.054.978.353	4.035.706.718
Chi phí bằng tiền khác	9.354.156.381	3.427.983.145

**25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	455.515.045	1.170.383.960
Chi phí nhân công	22.471.170.778	20.255.826.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.567.777	543.037.408
Chi phí dự phòng	1.051.227.083	7.187.453.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.137.240.321	5.977.811.226
Chi phí khác bằng tiền	13.922.100.839	8.047.347.150
<b>Cộng</b>	<b>41.550.821.843</b>	<b>43.181.859.729</b>

**26. Thu nhập khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.822.560.032	-
Nhận khuyến mại, hỗ trợ từ các nhà máy xi măng	7.858.508.963	4.374.059.827
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
Tiền phạt thu được	-	-
Thuế được giảm	-	-
Các khoản khác	104.750.001	626.922.028
<b>Cộng</b>	<b>11.785.818.996</b>	<b>5.000.981.855</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. Chi phí khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ khách hàng	5.003.246.769	3.453.698.023
Chi phí khác	135.335.841	7.632.000
<b>Cộng</b>	<b>5.138.582.610</b>	<b>3.461.330.023</b>

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.621.707.739	14.105.361.872
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	231.215.841	144.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	231.215.841	144.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.852.923.580</b>	<b>14.249.361.872</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.370.584.716</b>	<b>3.134.859.612</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. Công ty có các bên liên quan sau:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty

**Giao dịch với các bên liên quan như sau:**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	773.407.416.658	674.718.405.352
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	236.806.680.706	273.535.210.171
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	38.848.702.992	21.150.535.011
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	2.762.910.848	11.037.285.800
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	131.492.364.282	6.964.206.819
<b>Phí tư vấn</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.007.592.917	851.624.916
<b>Nhận hàng khuyến mại, hỗ trợ</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	5.797.423.552	3.345.235.498
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	1.312.234.868	936.986.816
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	0	91.837.513
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	500.607.125	0
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	248.357.054	0
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.789.307.000	1.789.307.000
<b>Chiết khấu thanh toán được hưởng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	1.390.055.467	2.599.744.900
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	325.568.838	39.989.500
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT</b>	<b>1.501.419.958</b>	<b>1.670.543.500</b>
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.074.061.332	9.607.957.332
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	163.363.073	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	269.562.972	243.982.058
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.953.424.534	179.362.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	134.802.840	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu đã được điều chỉnh hồi tố theo kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước ngày 19/10/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Cụ thể các thay đổi như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	01/01/2016 trình bày lại		
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(40.099.094.653)	(36.796.377.592)	3.302.717.061
<b>Nguồn vốn</b>				
Thuế và các khoản nộp phải Nhà nước	313	1.642.992.313	2.714.407.526	1.071.415.213
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.526.217.769	1.958.865.678	(1.567.352.091)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.834.523.830	14.633.177.769	3.798.653.939

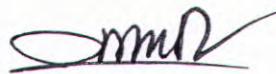
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2015		
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí bán hàng	24	16.582.608.285	15.462.756.194	(1.119.852.091)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.571.332.820	22.039.623.946	(3.531.708.874)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	7.914.149.075	12.565.710.040	4.651.560.965
Thu nhập khác	31	4.782.473.668	5.000.981.855	218.508.187
Lợi nhuận khác	40	1.321.143.645	1.539.651.832	218.508.187
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.235.292.720	14.105.361.872	4.870.069.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.063.444.399	3.134.859.612	1.071.415.213
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7.171.848.321	10.970.502.260	3.798.653.939

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Đặng Thành Công

Văn Quang Đức

Ngô Đức Lưu

Số: **64** /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 4/2016.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vicem Thương mại Xi măng.
2. Mã chứng khoán: TMX.
3. Trụ sở chính: Số 348 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 0438643340 Số Fax: 0438642586
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Kim Phương.
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước (kèm theo văn bản giải trình).

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016: [www.tmx.com.vn](http://www.tmx.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCKT, Thư ký Cty;
- Lưu Văn thư



**Ngô Đức Lưu**

Số: **65** /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 4/2016  
So với cùng kỳ năm trước.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại Xi măng xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 so với cùng kỳ năm trước như sau:

**I. Số liệu:**

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Chênh lệch giảm	So sánh giảm
Lợi nhuận sau thuế	1.310.507.658	6.339.776.282	5.029.268.624	79,3%

**II. Nguyên nhân chênh lệch:**

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 giảm 5.029.268.624 đồng, tương ứng giảm 79,3 % so với cùng năm năm 2015 do một số nguyên nhân như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2015 tăng 3.798.653.939 do điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước ngày 19/10/2016.

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 258.587.896 đồng do các Công ty sản xuất xi măng điều chỉnh giảm mức chiết khấu thanh toán đối với Công ty.

- Chi phí bán hàng tăng 1.119.852.091 đồng do kết luận Kiểm toán Nhà nước điều chỉnh chi phí mua quà tết tặng khách hàng và chi phí chương trình tích điểm từ chi phí năm 2015 sang năm 2016.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 447.500.000 đồng do kết luận Kiểm toán Nhà nước điều chỉnh chi phí hội nghị khách hàng từ chi phí năm 2015 sang năm 2016.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng xin cam đoan những giải trình nêu trên là hoàn toàn đúng, phù hợp với thực tế phát sinh tại Công ty.

Kính báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội các số liệu giải trình trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Thư ký Cty;
- Lưu Văn thư.



Số: 66 /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu thay đổi

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Thông báo kết luận kiểm toán ngày 19/10/2016 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng xin được giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính theo Biên bản kiểm toán của Tổng Kiểm toán Nhà nước, đã ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ ngày 01/01/2016 của Báo cáo tài chính quý 4/2016 sau:

### I. Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016:

01/01/2016 trình bày lại

Bảng cân đối kế toán	Mã số	01/01/2016 trình bày lại		Chênh lệch VND
		Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND	
<b>Tài sản</b>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(40.099.094.653)	(36.796.377.592)	3.302.717.061
<b>Nguồn vốn</b>				
Thuế và các khoản nộp phải Nhà nước	313	1.642.992.313	2.714.407.526	1.071.415.213
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.526.217.769	1.958.865.678	(1.567.352.091)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.834.523.830	14.633.177.769	3.798.653.939

### II. Nguyên nhân chênh lệch bảng cân đối kế toán:

1. Tài sản tăng 3.302.717.061 đồng do Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi vượt quy định của Thông tư 228/2009/TT - BTC.

2. Nguồn vốn tăng 3.302.717.061 đồng do nguyên nhân sau:

- Thuế và các khoản nộp phải Nhà nước tăng 1.071.415.213 đồng do tăng lãi đồng thời tăng thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 1.567.352.091 đồng do trích trước chi phí mua quà tết tặng khách hàng, chi phí hội nghị khách hàng nhưng đến 31/12/2015 chưa chi và điều chỉnh giảm chi phí chương trình tích điểm tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2015.

3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 tăng 3.798.653.939 đồng do kết quả kiểm toán thay đổi.

### III. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015:

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2015		Chênh lệch VND
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	
		VND	VND	
Chi phí bán hàng	24	16.582.608.285	15.462.756.194	(1.119.852.091)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.571.332.820	22.039.623.946	(3.531.708.874)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	7.914.149.075	12.565.710.040	4.651.560.965
Thu nhập khác	31	4.782.473.668	5.000.981.855	218.508.187
Lợi nhuận khác	40	1.321.143.645	1.539.651.832	218.508.187
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.235.292.720	14.105.361.872	4.870.069.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.063.444.399	3.134.859.612	1.071.415.213
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7.171.848.321	10.970.502.260	3.798.653.939

### IV. Nguyên nhân chênh lệch kết quả kinh doanh:

1. Chi phí bán hàng giảm 1.119.852.091 đồng do trích trước chi phí mua quà tết tặng khách hàng nhưng đến 31/12/2015 chưa chi và điều chỉnh giảm chi phí chương trình tích điểm tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2015.

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3.531.708.874 đồng do Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi vượt quy định của Thông tư 228/2009/TT - BTC là 3.084.208.874 đồng và chi phí hội nghị khách hàng nhưng đến 31/12/2015 chưa chi là 447.500.000 đồng.

3. Thu nhập khác tăng 218.508.187 đồng do Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi vượt quy định của Thông tư 228/2009/TT - BTC của năm trước.

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 1.071.415.213 đồng do tăng lãi đồng thời tăng thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 3.798.653.939 đồng do kết quả kiểm toán thay đổi.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng xin cam đoan những giải trình nêu trên là hoàn toàn đúng, phù hợp với thực tế phát sinh tại Công ty.

Kính báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội các số liệu giải trình trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Thư ký Cty;
- Lưu Văn thư.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Lưu